

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày 12-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khuê

Ông Doãn Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 6, xã PH, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D; có chồng là Đinh Khắc Q và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2022. Có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn AN, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

+ Anh Trịnh Văn D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn SP, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đinh Khắc Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 6, xã PH, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Văn C, anh Phạm Văn L, anh Trịnh Kỳ N, chị Đào Thị T, anh Bùi Quang Phúc, chị Phạm Thị H1, anh Lý Văn T1. **Anh Trần Văn C và anh Trịnh Kỳ N có mặt, toàn bộ người làm chứng còn lại vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 26/9/2022, Công an xã An Lư, huyện Thủy Nguyên nhận được trình báo của chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1980, trú tại thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng về việc bị mất trộm 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max vào ngày 25/8/2022 tại cửa hàng tạp hóa của chị L thuộc khu vực chợ Xưa, thôn An Lợi, xã An Lư. Ngày 26/9/2022, chị L nhận ra đối tượng Nguyễn Thị H là người đã chiếm đoạt chiếc điện thoại của mình khi H đi đến khu vực chợ Xưa nên đã cùng mọi người đưa H về trụ sở Công an giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H khai trong các ngày 25/8/2022 và 24/9/2022, Nguyễn Thị H đã 02 lần chiếm đoạt tài sản của người khác tại khu vực xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 14 giờ ngày 25/8/2022, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16N8-5954 đến cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Mai L thuộc khu vực chợ Xưa, thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng để mua đồ. Khi ra thanh toán tiền ở cửa ra vào, H quan sát thấy chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max của chị L để trên bàn nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng chị L cúi người xuống, không để ý, H đã lấy điện thoại giấu vào thắt lưng. Sau đó, Liên điều khiển xe mô tô đến quán điện thoại “Khang Thịnh Mobile” thuộc thôn 2, xã PH, huyện Thủy Nguyên do anh Trần Văn C, sinh năm 1989 làm chủ. Tại đây, H bảo điện thoại của chồng đi biển về không nhớ mật khẩu và đề nghị bán, anh Chương đồng ý mua với giá 2.500.000 đồng. Đến ngày 27/8/2022, anh Chương bán điện thoại trên cho anh Phạm Văn L, sinh năm 1989, trú tại xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên với giá 4.600.000 đồng. Ngày 05/9/2022, anh Lợi đã chuyển chiếc điện thoại cho anh Trịnh Kỳ N, sinh năm 1987, trú tại xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên nhờ mở mật khẩu máy nhưng chưa mở được.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 24/9/2022, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16N8-5954 đến khu vực thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Khi đến trước cửa nhà anh Trịnh Văn D, sinh năm 1986, thấy cửa mở, không có người trông coi nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. H dừng xe đi vào nhà anh Dân lấy được 01 chiếc điện thoại Samsung S20-5G ở trên giường. Sau đó, H điều khiển xe đi về nhà thay sim điện thoại khác để sử dụng.

Đến khoảng 15 giờ 10 phút ngày 26/9/2022, H điều khiển xe mô tô đến khu vực chợ Xưa, xã An Lư thì bị chị L cùng mọi người phát hiện, đưa về Công an xã

An Lư làm việc. Quá trình bị bắt giữ, H đánh rơi chiếc điện thoại chiếm đoạt được của anh Dân.

Cơ quan Công an đã tạm giữ chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max do anh Trịnh Kỳ N tự nguyện giao nộp, 01 xe mô tô biển kiểm soát 16N8-5954 do H điều khiển. Đối với chiếc điện thoại Samsung S20-5G của anh Dân, H làm rơi lúc bị bắt giữ, cơ quan Công an đã truy tìm nhưng không thấy.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 17/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max của chị Nguyễn Thị Mai L trị giá 10.000.000 đồng, chiếc điện thoại Samsung S20-5G của anh Trịnh Văn D trị giá 6.900.000 đồng. Tổng trị giá 02 chiếc điện thoại là 16.900.000 đồng.

Những người bị hại là chị Nguyễn Thị Mai L, anh Trịnh Văn D khai phù hợp với nội dung trên. Chị L đã được nhận lại chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max, không còn yêu cầu, đề nghị gì. Anh Dân sau khi bị mất điện thoại đã trình báo cơ quan Công an, anh không yêu cầu H phải bồi thường chiếc điện thoại Samsung S20-5G và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho H.

Những người liên quan là anh Trần Văn C, Phạm Văn L, Trịnh Kỳ N khai: anh Chương mua chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max nhưng không biết là tài sản do H phạm tội mà có, anh Chương đã được anh Đinh Khắc Q (chồng H) trả lại số tiền 2.500.000 đồng, anh Chương không còn yêu cầu gì. Anh Lợi đã được anh Chương trả số tiền 4.600.000 đồng mua điện thoại; anh Ninh sau khi biết chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max là tài sản do phạm tội mà có đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an.

Về vật chứng của vụ án: chiếc điện thoại Iphone 11 Promax của chị Nguyễn Thị Mai L, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16N8-5954 là tài sản chung của Nguyễn Thị H và anh Đinh Khắc Q, sinh năm 1984, trú tại thôn 6, xã PH, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (chồng H). Sau khi tiến hành xong các hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chị L, anh Quảng.

Về dân sự: Những người bị hại, người liên quan không yêu cầu Nguyễn Thị H phải bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 07 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khai như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị H khai: Chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 16N8-5954 là của vợ chồng bị cáo mua, bị cáo dùng chiếc xe máy để đi lại và làm việc, bị

cáo không dùng xe máy làm pH tiện trộm cắp tài sản và không có ý định trộm cắp tài sản từ trước. Ngày 25/8/2022, khi đến quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị Mai L bị cáo thấy chị L sơ hở nên bị cáo lấy điện thoại. Ngày 24/9/2022, bị cáo đi từ nhà bố mẹ để bị cáo từ Chính Mỹ về, đi qua nhà anh Trịnh Văn D, không thấy có ai ở nhà nên bị cáo trộm cắp chiếc điện thoại của anh Dân để ở trên giường. Vợ chồng bị cáo sống ly thân, số tiền 2.500.000 đồng mà anh Đinh Khắc Q – chồng bị cáo trả cho anh Trần Văn C là tiền riêng của anh Quảng. Bị cáo không tác động gì đối với anh Đinh Khắc Q để anh Quảng bồi thường tiền cho anh Trần Văn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Đinh Khắc Q khai: Chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 16N8-5954 là của vợ chồng anh mua, để cho bị cáo H đi lại và làm việc. Số tiền 2.500.000 đồng mà anh trả cho anh Trần Văn C là tiền riêng của anh, không liên quan đến bị cáo H. Bị cáo H không tác động gì để anh trả tiền cho anh Chương. Anh không yêu cầu bị cáo H hoàn trả lại anh số tiền này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị H như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ: 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Về dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường bị cáo Nguyễn Thị H không phải bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại Iphone 11 Promax của chị Nguyễn Thị Mai L, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16N8-5954 là tài sản chung của Nguyễn Thị H và anh Đinh Khắc Q. Sau khi tiến hành xong các hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chị Nguyễn Thị Mai L, anh Đinh Khắc Q là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, **lời nói sau cùng bị cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.**

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận bị cáo có hành vi như sau: Khoảng 14 giờ ngày 25/8/2022, tại cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Mai L thuộc khu vực chợ Xưa, thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Thị H đến để mua đồ tại đây. Khi thanh toán tiền, H quan sát thấy chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max của chị L để trên bàn. Lợi dụng chị L cúi người xuống, không để ý, H đã lấy điện thoại giấu vào thắt lưng và mang bán cho anh Trần Văn C với giá 2.500.000 đồng. Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 24/9/2022, H điều khiển xe máy BKS 16N8-5954 đi qua khu vực thôn An Trại, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Khi đến trước cửa nhà anh Trịnh Văn D, thấy cửa mở, không có người trông coi, H dừng xe đi vào nhà anh Dân lấy được 1 chiếc điện thoại Samsung S20-5G ở trên giường. Theo Kết luận định giá tài sản, chiếc điện thoại của chị Nguyễn Thị Mai L, trị giá 10.000.000 đồng và chiếc điện thoại di động của anh Trịnh Văn D, trị giá 6.900.000 đồng. Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của họ nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H không vi phạm tình tiết định khung tăng nặng nên bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân mà còn xâm phạm trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị H không có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị H có 2 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 2 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chồng bị cáo – anh Đinh Khắc Q đã khắc phục thiệt hại nhưng tiền khắc phục là của riêng anh Quảng, bị cáo H không có tác động gì đối với anh Quảng; bị hại anh Trịnh Văn D có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về hình phạt:

[9] Xét thấy: Bị cáo là phụ nữ, còn có hai con nhỏ, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử cân nhắc khi xem xét áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhiều lần, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền với mức phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo còn có hai con nhỏ. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và hoàn cảnh của bị cáo, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về dân sự:

[11] Bị hại chị Nguyễn Thị Mai L, anh Trịnh Văn D không yêu cầu bị cáo bồi thường và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án – anh Đinh Khắc Q không yêu cầu hoàn trả số tiền anh Quảng đã trả cho anh Trần Văn C nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng:

[12] Chiếc điện thoại Iphone 11 Promax của chị Nguyễn Thị Mai L, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16N8-5954 là tài sản chung của Nguyễn Thị H và anh Đinh Khắc Q. Sau khi tiến hành xong các hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chị L, anh Quảng. Hội đồng xét xử xét thấy: Chiếc điện thoại là tài sản hợp pháp của chị L nên Cơ quan điều tra trả lại cho chị L là đúng quy định pháp luật. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16N8-5954 là tài sản chung của bị cáo H và anh Đinh Khắc Q, bị cáo không dùng chiếc xe máy đó để làm pH tiện trộm cắp

tài sản, đây là pH tiện đi lại hàng ngày của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho anh Quảng là đúng quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[13] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Tiếp tục áp dụng: Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị H. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại chị Nguyễn Thị Mai L và anh Trịnh Văn D (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án - anh Đinh Khắc Q có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh Quảng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao;
- Phòng KTNV và THA TAND huyện Thủy Nguyên;
- Trại tạm giam Công an huyện Thủy Nguyên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp huyện Thủy Nguyên;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện Thủy Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

Phiếu gửi bảo đảm bản án hình sự sơ thẩm số 88 ngày 14/7/2022 (Phùng Hoài Ngọc – TK Hằng)

- TAND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: Số 1, Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 241 VN

- VKSND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: Số 9, Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 238 VN

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao; địa chỉ: Số 48 Lý Thường Kiệt, Ba Đình, Hà Nội. RG 186 302 255 VN